

Số: /TTr-UBND

Gia Lai, ngày tháng năm 2026

TỜ TRÌNH

Ban hành Quy định Phân định nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường; quy định tỷ lệ chi phí quản lý chung và mức chi nhiệm vụ, dự án về tài nguyên môi trường thuộc nhiệm vụ chi ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15; Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường;

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định phân định nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường; quy định tỷ lệ chi phí quản lý chung và mức chi nhiệm vụ, dự án về tài nguyên môi trường thuộc nhiệm vụ chi ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Gia Lai, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Căn cứ Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới;

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025 do Quốc hội ban hành.

“Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

1. Trong tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật:

d) Ban hành Nghị quyết về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp mình; bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung văn bản do mình ban hành khi xét thấy không còn phù hợp hoặc trái pháp luật.”

Căn cứ điểm 1 khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 do Quốc hội ban hành quy định:

“Điều 31. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân các cấp

9. Đối với Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, ngoài nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều này còn có nhiệm vụ, quyền hạn:

l) Quyết định các chế độ chi ngân sách để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an sinh xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối của ngân sách địa phương."

Căn cứ Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường;

Căn cứ quy định nêu trên, việc ban hành Nghị quyết Phân định nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường; quy định tỷ lệ chi phí quản lý chung và mức chi nhiệm vụ, dự án về tài nguyên môi trường thuộc nhiệm vụ chi ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Gia Lai là có cơ sở chính trị, pháp lý.

2. Cơ sở thực tiễn

Tại khoản 3 Điều 4 Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường, quy định: *"Việc phân định các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường của ngân sách địa phương cho cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã, theo quy định của các pháp luật chuyên ngành và do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định"*.

Tại điểm b khoản 3 Mục 2 Phụ lục 04 Thông tư số 136/2017/TT-BTC, quy định: *"Đối với nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương, căn cứ vào tình hình thực tế thực hiện nhiệm vụ, dự án và khả năng của ngân sách địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo thẩm quyền quy định tại Luật Ngân sách nhà nước, quy định tỷ lệ chi phí quản lý chung cho phù hợp, nhưng không vượt quá tỷ lệ chi phí quản lý chung quy định trên đây"*.

Tại Phụ lục 06 Thông tư số 136/2017/TT-BTC, quy định: *"Mức chi quy định trên đây là mức chi tối đa, tùy điều kiện thực tế và khả năng của ngân sách địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo thẩm quyền quy định mức chi cụ thể để thực hiện ở địa phương"*.

Căn cứ các quy định nêu trên, Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp) đã ban hành Nghị quyết số 86/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 về việc phân định các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh Gia Lai, Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định (trước sắp xếp) đã ban hành Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 quy định một số mức chi và tỷ lệ chi phí quản lý chung trong hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Tuy nhiên, thực hiện Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và Nghị quyết số 1664/NQ-UBTVQH15 ngày 12/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Gia Lai năm 2025; kể từ ngày 01/7/2025, tỉnh

Bình Định và tỉnh Gia Lai được sắp xếp thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Gia Lai và hoạt động theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

Căn cứ khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 do Quốc hội ban hành.

“Điều 21. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định:

a) Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên; ...”

Từ thực tế và quy định nêu trên, việc xây dựng, ban hành Nghị quyết quy định phân định nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường; quy định tỷ lệ chi phí quản lý chung và mức chi nhiệm vụ, dự án về tài nguyên môi trường thuộc nhiệm vụ chi ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Gia Lai (mới) là cần thiết để thống nhất thực hiện trên địa bàn tỉnh sau sắp xếp đơn vị hành chính.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Việc ban hành Nghị quyết để cụ thể hóa nhiệm vụ chi, mức chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường của ngân sách các cấp trên địa bàn tỉnh và đảm bảo thực hiện phù hợp với quy định tại Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và tình hình thực tế tại địa phương; là cơ sở để các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện đảm bảo thống nhất, đúng quy định.

2. Quan điểm xây dựng

Nghị quyết được xây dựng đảm bảo các nguyên tắc, trình tự, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; phù hợp với quy định tại Thông tư số 136/2017/TT-BTC quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường; phù hợp với tình hình thực tiễn và khả năng cân đối ngân sách địa phương.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Căn cứ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15; căn cứ Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; UBND tỉnh đã lập đề nghị xây dựng Nghị quyết trình kỳ họp thứ sáu HĐND tỉnh Gia Lai năm 2026 và được Thường trực HĐND tỉnh chấp thuận tại Thông báo số 28/TB-TTHĐND ngày 10/4/2026.

Căn cứ ý kiến chấp thuận của Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì, tham mưu xây dựng dự thảo Nghị quyết theo đúng quy định về trình tự, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, đã gửi các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và UBND các xã, phường và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử

của tỉnh để lấy ý kiến; được Sở Tư pháp thẩm định tại Báo cáo số 255/BC-STP ngày 05/4/2026.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này phân định nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường; quy định tỷ lệ chi phí quản lý chung và mức chi nhiệm vụ, dự án về tài nguyên môi trường thuộc nhiệm vụ chi ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Các nguồn kinh phí khác quy định về các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường (như nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường, kinh phí sự nghiệp khoa học, vốn đầu tư phát triển, nguồn vốn khác) không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết này;

Các nội dung khác có liên quan không quy định tại Nghị quyết này thì áp dụng theo Thông tư số 136/2017/TT-BTC quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường.

1.2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan nhà nước, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường.

2. Bố cục và nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh.

Nghị quyết này phân định nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường; quy định tỷ lệ chi phí quản lý chung và mức chi nhiệm vụ, dự án về tài nguyên môi trường thuộc nhiệm vụ chi ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Các nguồn kinh phí khác quy định về các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường (như nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường, kinh phí sự nghiệp khoa học, vốn đầu tư phát triển, nguồn vốn khác) không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết này;

Các nội dung khác có liên quan không quy định tại Nghị quyết này thì áp dụng theo Thông tư số 136/2017/TT-BTC quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường.

1.2. Đối tượng áp dụng.

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan nhà nước, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường.

2. Bố cục: dự thảo Nghị quyết gồm 07 Điều.

3. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết: Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định phân định nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường; quy định tỷ lệ chi phí quản lý chung và mức chi nhiệm vụ, dự án về tài nguyên môi trường thuộc nhiệm vụ chi ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Gia Lai, cụ thể như sau:

3.1. Phân định nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường.

Điều 3. Nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường của ngân sách cấp tỉnh.

Điều 4. Nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường của ngân sách cấp xã.

3.2. Quy định tỷ lệ chi phí quản lý chung và mức chi nhiệm vụ, dự án về tài nguyên môi trường thuộc nhiệm vụ chi ngân sách địa phương.

Điều 5. Tỷ lệ chi phí quản lý chung đối với nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương.

Điều 6. Mức chi nhiệm vụ, dự án về tài nguyên môi trường.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Dự kiến nguồn lực:

Hàng năm, căn cứ nhiệm vụ được giao, cơ quan, đơn vị lập dự toán kinh phí, gửi cơ quan quản lý cấp trên để báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp, tổng hợp chung vào dự toán chi ngân sách địa phương, báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp, trình Hội đồng nhân dân theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và văn bản hướng dẫn.

Nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ thuộc cấp nào thì ngân sách cấp đó tự đảm bảo và được bố trí trong dự toán chi thường xuyên ngân sách hằng năm của các cấp ngân sách.

Tại dự thảo Nghị quyết này, tỷ lệ chi phí quản lý chung và mức chi trên cơ sở kế thừa tỷ lệ chi phí quản lý chung và mức chi tại Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 19/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định (trước sắp xếp). Do đó, việc ban hành Nghị quyết không làm phát sinh tăng nhu cầu kinh phí so với giai đoạn trước; nguồn lực địa phương hoàn toàn đảm bảo để thực hiện sau khi Nghị quyết được ban hành.

2. Điều kiện đảm bảo cho việc thi hành Nghị quyết

- Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết.

3. Thời gian dự kiến trình thông qua

Dự kiến trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua tại kỳ họp chuyên đề.

(Kèm theo các văn bản: Dự thảo Nghị quyết; văn bản thẩm định của Sở Tư pháp; bản tổng hợp ý kiến tham gia và giải trình tiếp thu ý kiến tham gia; các tài liệu khác có liên quan).

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: TC, NNMT, NV, TP;
- CVP, PVP NN;
- Lưu: VT, N_{1, 4}, C₅.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh

Số: /2026/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày 24 tháng 4 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định phân định nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường; quy định tỷ lệ chi phí quản lý chung và mức chi nhiệm vụ, dự án về tài nguyên môi trường thuộc nhiệm vụ chi ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số 136/2017/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường;

Xét Tờ trình số 430/TTr-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định phân định nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường; quy định tỷ lệ chi phí quản lý chung và mức chi nhiệm vụ, dự án về tài nguyên môi trường thuộc nhiệm vụ chi ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra số 49/BC-KTNS ngày 21 tháng 4 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết ban hành Quy định phân định nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường; quy định tỷ lệ chi phí quản lý chung và mức chi nhiệm vụ, dự án về tài nguyên môi trường thuộc nhiệm vụ chi ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định phân định nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường; quy định tỷ lệ chi phí quản lý chung và mức chi nhiệm vụ, dự án về tài nguyên môi trường thuộc nhiệm vụ chi ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 5 năm 2026.

2. Nghị quyết số 86/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp) về việc phân định các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh Gia Lai; khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 68/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp) sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng

nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định (trước sắp xếp) quy định một số mức chi và tỷ lệ chi phí quản lý chung trong hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Định hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thì áp dụng quy định tương ứng tại văn bản quy phạm pháp luật mới.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết.

5. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XIII, Kỳ họp thứ 2 (chuyên đề) thông qua ngày 24 tháng 4 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính; Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Ban Thường vụ Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Các VP: Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Gia Lai;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT; HSKH.

CHỦ TỊCH

Rah Lan Chung

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Phân định nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường;
quy định tỷ lệ chi phí quản lý chung và mức chi nhiệm vụ, dự án về tài
nguyên môi trường thuộc nhiệm vụ chi ngân sách địa phương
trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số .../2026/NQ-HĐND)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này phân định nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường; quy định tỷ lệ chi phí quản lý chung và mức chi nhiệm vụ, dự án về tài nguyên môi trường thuộc nhiệm vụ chi ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

2. Các nguồn kinh phí khác quy định về các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường (như nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường, kinh phí sự nghiệp khoa học, vốn đầu tư phát triển, nguồn vốn khác) không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết này;

3. Các nội dung khác có liên quan không quy định tại Nghị quyết này thì áp dụng theo Thông tư số 136/2017/TT-BTC quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan nhà nước, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường.

Điều 3. Nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường của ngân sách cấp tỉnh

1. Quản lý đất đai

a) Điều tra, đánh giá đất đai của tỉnh theo định kỳ và theo chuyên đề;

b) Lập, chỉnh lý bản đồ địa chính;

c) Thống kê đất đai; kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp tỉnh;

d) Lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh;

đ) Điều tra thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung bảng giá đất, hệ số điều chỉnh giá đất, xác định giá đất cụ thể; lập bản đồ giá đất;

e) Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; đăng ký biến động đất đai, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cập nhật biến động đất đai;

g) Xây dựng, cập nhật, quản lý thông tin đất đai, cơ sở dữ liệu đất đai.

2. Đo đạc và bản đồ

a) Các hoạt động đo đạc và bản đồ phục vụ yêu cầu quản lý: Thiết lập các điểm đo đạc cơ sở chuyên dụng; xây dựng hệ thống không ảnh chuyên dụng; thành lập bản đồ hành chính cấp huyện, bản đồ chuyên đề phục vụ mục đích chuyên dụng;

b) Đo đạc và bản đồ về địa giới hành chính theo quy định của pháp luật;

c) Xây dựng, quản lý thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ, địa giới hành chính.

3. Địa chất và khoáng sản

a) Khoanh định khu vực cấm hoặc tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền;

b) Lưu trữ, quản lý thông tin về khoáng sản.

4. Tài nguyên nước

a) Điều tra, đánh giá tài nguyên nước đối với các nguồn nước nội tỉnh, nguồn nước liên tỉnh trên địa bàn; kiểm kê tài nguyên nước đối với các nguồn nước nội tỉnh;

b) Điều tra, tổng hợp hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước; xả nước thải vào nguồn nước đối với nguồn nước nội tỉnh, nguồn nước trên địa bàn;

c) Hoạt động quan trắc, giám sát tài nguyên nước;

d) Xây dựng và duy trì cảnh báo, dự báo lũ, lụt, hạn hán, xâm nhập mặn và các tác hại khác do nước gây ra thuộc phạm vi quản lý;

đ) Các hoạt động bảo vệ tài nguyên nước; phòng chống suy thoái, cạn kiệt nguồn nước, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra ở nguồn nước nội tỉnh; xác định danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp;

e) Xây dựng, cập nhật, quản lý thông tin, cơ sở dữ liệu về tài nguyên nước.

5. Biển và Hải đảo

a) Điều tra cơ bản tài nguyên biển và hải đảo thuộc phạm vi quản lý;

b) Các nhiệm vụ, dự án, đề án thuộc Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo theo quyết định của cấp có thẩm quyền, có tính chất chi từ nguồn kinh phí hoạt động kinh tế;

c) Quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ thuộc phạm vi quản lý theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

d) Điều tra, thống kê, phân loại, quản lý tài nguyên biển và hải đảo do tỉnh quản lý;

đ) Hoạt động quan trắc, giám sát tổng hợp tài nguyên, môi trường biển và hải đảo của tỉnh;

e) Thiết lập và quản lý hành lang bảo vệ bờ biển của tỉnh;

g) Xây dựng, cập nhật, quản lý thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên môi trường biển và hải đảo của tỉnh.

6. Khí tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu

a) Hoạt động trạm quan trắc khí tượng thủy văn; thu thập dữ liệu khí tượng thủy văn;

b) Dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn, truyền thông tin thiên tai trên địa bàn;

c) Giám sát biến đổi khí hậu;

d) Xây dựng, quản lý thông tin, cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu.

7. Viễn thám

Xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu viễn thám (nếu có).

8. Đa dạng sinh học

Nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về đa dạng sinh học của tỉnh Gia Lai theo Khoản 2, Điều 4, Thông tư liên tịch số 160/2014/TTLT-BTC-BTNMT hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước thực hiện các nhiệm vụ, dự án theo Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

9. Các nhiệm vụ chi khác

a) Lập, điều chỉnh nhiệm vụ quy hoạch các lĩnh vực theo quy định của pháp luật;

b) Xây dựng, điều chỉnh chiến lược, kế hoạch về tài nguyên môi trường; thống kê các chỉ tiêu tài nguyên môi trường (không bao gồm thống kê lĩnh vực môi trường chi từ nguồn sự nghiệp bảo vệ môi trường);

c) Xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá sản phẩm về quản lý đất đai, đo đạc và bản đồ, địa chất và khoáng sản, tài nguyên nước, khí tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu, viễn thám, đa dạng sinh học, nhiệm vụ chi khác (nếu có) thuộc nhiệm vụ của tỉnh;

d) Xây dựng, tích hợp, lưu trữ, quản lý cơ sở dữ liệu chung về tài nguyên theo quy định của pháp luật chuyên ngành; ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác điều tra, đánh giá, quản lý tài nguyên theo quy định của pháp luật chuyên ngành, nội dung có tính chất chi thường xuyên từ nguồn kinh phí chi hoạt động kinh tế (nếu có);

đ) Tuyên truyền, phổ biến pháp luật của lĩnh vực theo quy định của pháp luật chuyên ngành được chi từ nguồn hoạt động kinh tế; tập huấn chuyên môn

nghiệp vụ về tài nguyên môi trường theo nội dung chi từ nguồn chi hoạt động, kinh tế;

e) Vốn đối ứng các dự án hợp tác quốc tế có tính chất chi thường xuyên từ nguồn hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường (nếu có);

g) Sửa chữa lớn, mua sắm trang thiết bị phục vụ nhiệm vụ chuyên môn đối với đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực chi hoạt động kinh tế (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư được Nhà nước đặt hàng theo giá tính đủ chi phí bao gồm chi phí khấu hao tài sản cố định);

h) Nhiệm vụ chi khác về quản lý đất đai, đo đạc và bản đồ, địa chất và khoáng sản, tài nguyên nước, khí tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu, viễn thám, đa dạng sinh học, nhiệm vụ chi khác (nếu có).

Điều 4. Nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường của ngân sách cấp xã

1. Quản lý đất đai

a) Lập, chỉnh lý bản đồ địa chính cấp xã;

b) Thống kê đất đai; kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã;

c) Lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp xã;

d) Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; đăng ký biến động đất đai, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cập nhật biến động đất đai;

đ) Xây dựng, cập nhật, quản lý thông tin đất đai, cơ sở dữ liệu đất đai cấp xã;

e) Điều tra thu thập thông tin xây dựng hệ số điều chỉnh giá đất, xác định giá đất cụ thể.

2. Đo đạc và bản đồ

a) Các hoạt động đo đạc và bản đồ phục vụ yêu cầu quản lý: Thiết lập các điểm đo đạc cơ sở chuyên dụng; xây dựng hệ thống không ảnh chuyên dụng; thành lập bản đồ hành chính cấp xã, bản đồ chuyên đề phục vụ mục đích chuyên dụng;

b) Đo đạc và bản đồ về địa giới hành chính theo quy định của pháp luật;

c) Xây dựng, quản lý thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ, địa giới hành chính.

3. Địa chất khoáng sản

a) Bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn;

b) Lưu trữ, quản lý thông tin về khoáng sản.

4. Tài nguyên nước

a) Điều tra, tổng hợp hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước; xả nước thải vào nguồn nước đối với nguồn nước trên địa bàn;

b) Các hoạt động bảo vệ tài nguyên nước, phòng chống suy thoái, cạn kiệt nguồn nước.

5. Biển và Hải đảo

a) Điều tra, thống kê, phân loại, quản lý tài nguyên biển và hải đảo do cấp xã quản lý;

b) Hoạt động quan trắc, giám sát tổng hợp tài nguyên, môi trường biển và hải đảo trên địa bàn;

c) Quản lý hành lang bảo vệ bờ biển cấp xã.

6. Giám sát biến đổi khí hậu

7. Các nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế khác về tài nguyên và môi trường theo quy định hiện hành.

Điều 5. Mức chi nhiệm vụ, dự án về tài nguyên môi trường

Mức chi cụ thể theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này.

Điều 6. Tỷ lệ chi phí quản lý chung đối với nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương

Tỷ lệ chi phí quản lý chung trong dự toán chi phí thực hiện nhiệm vụ, dự án chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy định này./.

Phụ lục

(Ban hành kèm theo Quy định Phân định nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường; quy định tỷ lệ chi phí quản lý chung và mức chi nhiệm vụ, dự án về tài nguyên môi trường thuộc nhiệm vụ chi ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Gia Lai)

Phụ lục I

MỨC CHI NHIỆM VỤ, DỰ ÁN VỀ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000đ)	Ghi chú
1	Chi lập đề cương nhiệm vụ, dự án			
1.1	Lập đề cương nhiệm vụ	nhiệm vụ	1.500	
1.2	Lập đề cương dự án	dự án		
	Dự án có giá trị < 500 triệu đồng		2.000	
	Dự án có giá trị từ 500 triệu đồng đến 2.000 triệu đồng		3.000	
	Dự án có giá trị trên 2.000 triệu đồng		3.500	
2	Hợp hội đồng xét duyệt đề cương nhiệm vụ, dự án	Buổi họp		Không tính chi họp hội đồng đối với nhiệm vụ được giao thường xuyên hàng năm
	Chủ tịch Hội đồng	người/buổi	350	
	Thành viên, thư ký	người/buổi	200	
	Đại biểu được mời tham dự	người/buổi	100	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện	Bài viết	350	Theo quy chế của cấp có thẩm quyền quy định có nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện và ủy viên hội đồng mới được tính
	Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng	Bài viết	200	
3	Lấy ý kiến thẩm định dự án bằng văn bản của chuyên gia và nhà quản lý (tối đa không quá 5 bài viết)	Bài viết	350	Trường hợp không thành lập Hội đồng xét duyệt đề cương
4	Điều tra, khảo sát			
4.1	Lập mẫu phiếu điều tra	Phiếu mẫu được duyệt	300	
4.2	Chi cho đối tượng cung cấp thông tin			
	- Cá nhân	Phiếu	30	
	- Tổ chức	Phiếu	70	
4.3	Chi cho điều tra viên; công quan trắc, khảo sát, lấy mẫu (trường hợp thuê ngoài theo vụ việc nếu có)	Người/ngày công	Mức tiền công 1 người/ngày tối đa không quá 150% mức lương cơ sở, tính theo lương ngày do Nhà nước quy định cho đơn vị sự nghiệp công lập tại thời điểm thuê ngoài (22 ngày)	

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000đ)	Ghi chú
4.4	Chi cho người dẫn đường	người/ngày	100	Chỉ áp dụng cho điều tra thuộc vùng núi cao, vùng sâu cần có người địa phương dẫn đường và người phiên dịch cho điều tra viên
4.5	Chi cho người phiên dịch tiếng dân tộc	người/ngày	200	
5	Báo cáo tổng kết nhiệm vụ, dự án	Báo cáo		
5.1	Nhiệm vụ		3.500	
5.2	Dự án			
	<i>Dự án có giá trị < 500 triệu đồng</i>		4.000	
	<i>Dự án có giá trị từ 500 triệu đồng đến 2.000 triệu đồng</i>		9.000	
	<i>Dự án có giá trị trên 2.000 triệu đồng</i>		11.000	
6	Hội thảo (nếu có)			
	Người chủ trì	người/buổi	350	
	Thư ký hội thảo		200	
	Đại biểu được mời tham dự	hội thảo	100	
	Báo cáo tham luận	Bài viết	250	
7	Hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ, dự án			
	Nghiệm thu nhiệm vụ:			
7.1	Chủ tịch hội đồng	người/buổi	300	
	Thành viên, thư ký		150	
7.2	Nghiệm thu dự án:			
	Chủ tịch Hội đồng	người/buổi	500	
	Thành viên, thư ký hội đồng		300	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện	bài viết	350	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng (nếu có)	bài viết	300	
	Đại biểu được mời tham dự	người/buổi	100	

Phụ lục II
TỶ LỆ CHI PHÍ QUẢN LÝ CHUNG TRONG DỰ TOÁN CHI PHÍ THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ, DỰ ÁN CHI HOẠT ĐỘNG KINH TẾ ĐỐI VỚI CÁC NHIỆM VỤ
CHI VỀ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

1. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên, doanh nghiệp tham gia thực hiện nhiệm vụ, dự án, chi phí quản lý chung được xác định theo tỷ lệ phần trăm tính trên chi phí trực tiếp, quy định cho từng nhóm công việc như sau:

Nhóm công việc	Nhiệm vụ, dự án (hoặc hạng mục công việc có định mức kinh tế kỹ thuật)	Nhiệm vụ, dự án (hoặc hạng mục công việc không có định mức kinh tế kỹ thuật)
1. Ngoại nghiệp		
Nhóm I	20%	16%
Nhóm II	18%	13%
Nhóm III	14%	11%
2. Nội nghiệp (Nhóm I, II, III)	11%	8%

Trong đó:

* Ngoại nghiệp: gồm toàn bộ các công việc thực hiện ở thực địa.

* Nội nghiệp: gồm toàn bộ các công việc thực hiện trong phòng làm việc.

* Các nhóm công việc của nhiệm vụ, dự án: theo quy định tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính.

2. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan quản lý nhà nước đã được ngân sách nhà nước cấp kinh phí chi thường xuyên, thực hiện nhiệm vụ, dự án (nếu có): được tính chi phí quản lý chung 18 triệu đồng/năm/nhiệm vụ, dự án, đối với nhiệm vụ, dự án có tổng chi phí trực tiếp đến 5 tỷ đồng; trường hợp nhiệm vụ, dự án có tổng chi phí trực tiếp lớn hơn 5 tỷ đồng thì cứ 1 tỷ đồng tăng thêm được bổ sung 0,003 của phần tăng thêm./.

Số: /TTr-STC

Gia Lai, ngày tháng năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Quy định Phân định nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường; quy định tỷ lệ chi phí quản lý chung và mức chi nhiệm vụ, dự án về tài nguyên môi trường thuộc nhiệm vụ chi ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai

Tại khoản 3 Điều 4 Thông tư số 136/2017/TT-BTC quy định: "*Việc phân định các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường của ngân sách địa phương cho cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã, theo quy định của các pháp luật chuyên ngành và do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định*".

Tại khoản 3 Mục 2 Phụ lục 04 Thông tư số 136/2017/TT-BTC quy định:

"3. Chi phí quản lý chung

...

Đối với nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương, căn cứ vào tình hình thực tế thực hiện nhiệm vụ, dự án và khả năng của ngân sách địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo thẩm quyền quy định tại Luật Ngân sách nhà nước, quy định tỷ lệ chi phí quản lý chung cho phù hợp, nhưng không vượt quá tỷ lệ chi phí quản lý chung quy định trên đây".

Tại Phụ lục 06 Thông tư số 136/2017/TT-BTC quy định: "*Mức chi quy định trên đây là mức chi tối đa, tùy điều kiện thực tế và khả năng của ngân sách địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo thẩm quyền quy định mức chi cụ thể để thực hiện ở địa phương*".

Tại khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định:

“Điều 21. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định:

a) Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên; ...”

Căn cứ các quy định nêu trên, Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp) đã ban hành Nghị quyết số 86/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 về việc phân định các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh Gia Lai, Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định (trước sắp xếp) đã ban hành Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 quy định một số mức chi và tỷ lệ

chi phí quản lý chung trong hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Tuy nhiên, thực hiện Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và Nghị quyết số 1664/NQ-UBTVQH15 ngày 12/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Gia Lai năm 2025; kể từ ngày 01/7/2025, tỉnh Bình Định và tỉnh Gia Lai được sắp xếp thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Gia Lai và hoạt động theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

Để bảo đảm tiến độ xử lý các văn bản chịu sự tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy theo quy định, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, Sở Tài chính đã tổ chức soạn thảo dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định phân định nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường; quy định tỷ lệ chi phí quản lý chung và mức chi nhiệm vụ, dự án về tài nguyên môi trường thuộc nhiệm vụ chi ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Gia Lai; đồng thời tiến hành lấy ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị và địa phương có liên quan. Trên cơ sở ý kiến góp ý, Sở đã tổng hợp, hoàn thiện dự thảo và gửi Sở Tư pháp để thẩm định tại Báo cáo số 255/BC-STP ngày 05/4/2026. Sau khi tiếp thu ý kiến thẩm định, Sở Tài chính đã hoàn chỉnh hồ sơ dự thảo theo quy định.

Sở Tài chính kính trình UBND tỉnh về quy định phân định nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường; quy định tỷ lệ chi phí quản lý chung và mức chi nhiệm vụ, dự án về tài nguyên môi trường thuộc nhiệm vụ chi ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Gia Lai, cụ thể như sau:

1. Phân định nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường

- Nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường của ngân sách cấp tỉnh.
- Nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường của ngân sách cấp xã.

2. Quy định tỷ lệ chi phí quản lý chung và mức chi nhiệm vụ, dự án về tài nguyên môi trường thuộc nhiệm vụ chi ngân sách địa phương.

- Mức chi nhiệm vụ, dự án về tài nguyên môi trường: Mức chi cụ thể theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết.
- Tỷ lệ chi phí quản lý chung đối với nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương: Tỷ lệ chi phí quản lý chung trong dự toán chi phí thực hiện nhiệm vụ, dự án chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết.

**** Thuyết minh việc đề xuất mức chi:***

Tại dự thảo Nghị quyết này, Sở Tài chính đề xuất tỷ lệ chi phí quản lý chung và mức chi trên cơ sở kế thừa tỷ lệ chi phí quản lý chung và mức chi tại Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 19/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định (trước sắp xếp). Do đó, việc ban hành Nghị quyết không làm phát sinh

tăng nhu cầu kinh phí so với giai đoạn trước; nguồn lực địa phương hoàn toàn đảm bảo để thực hiện sau khi Nghị quyết được ban hành.

Hồ sơ kèm theo gồm có:

- *Dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định phân định nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường; quy định tỷ lệ chi phí quản lý chung và mức chi nhiệm vụ, dự án về tài nguyên môi trường thuộc nhiệm vụ chi ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Gia Lai.*

- *Báo cáo số 255/BC-STP ngày 05/4/2026 của Sở Tư pháp về kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định phân định nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường; quy định tỷ lệ chi phí quản lý chung và mức chi nhiệm vụ, dự án về tài nguyên môi trường thuộc nhiệm vụ chi ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Gia Lai.*

- *Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, đơn vị, địa phương.*

- *Tài liệu khác có liên quan.*

Sở Tài chính kính báo cáo UBND tỉnh xem xét, trình HĐND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Tư pháp;
- Sở NN&MT;
- Lưu: VT, QLNS, TCHCSN.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đặng Thu Hương

Số: /BC-STP

Gia Lai, ngày tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO

Kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định về phân định nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường; quy định tỷ lệ chi phí quản lý chung và mức chi nhiệm vụ, dự án về tài nguyên môi trường thuộc nhiệm vụ chi ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 2738/STC-TCHCSN ngày 30/3/2026 của Sở Tài chính về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết Quy định về phân định nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về TNMT; quy định tỷ lệ chi phí quản lý chung và mức chi nhiệm vụ, dự án về TNMT thuộc nhiệm vụ chi ngân sách địa phương (sau đây gọi là dự thảo Nghị quyết). Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết, trên cơ sở đối chiếu Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Luật Ngân sách nhà nước; Thông tư số 136/2017/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường và các văn bản có liên quan.

Căn cứ Điều 45 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP), Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

I. Sự cần thiết ban hành; phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị quyết

1. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Tại khoản 3 Điều 4 Thông tư số 136/2017/TT-BTC quy định: "*Việc phân định các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường của ngân sách địa phương cho cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã, theo quy định của các pháp luật chuyên ngành và do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định*".

Tại khoản 3 Mục 2 Phụ lục 04 Thông tư số 136/2017/TT-BTC quy định:

"3. Chi phí quản lý chung

...

Đối với nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương, căn cứ vào tình hình thực tế thực hiện nhiệm vụ, dự án và khả năng của ngân sách địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo thẩm quyền quy định tại Luật Ngân sách nhà nước, quy định tỷ lệ chi phí quản lý chung cho phù hợp, nhưng không vượt quá tỷ lệ chi phí quản lý chung quy định trên đây".

Tại Phụ lục 06 Thông tư số 136/2017/TT-BTC quy định: "*Mức chi quy định trên đây là mức chi tối đa, tùy điều kiện thực tế và khả năng của ngân sách địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo thẩm quyền quy định mức chi cụ thể để thực hiện ở địa phương*".

Tại khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định:

“Điều 21. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định:

a) Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên; ...”

Căn cứ các quy định nêu trên, Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp) đã ban hành Nghị quyết số 86/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 về việc phân định các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh Gia Lai, Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định (trước sắp xếp) đã ban hành Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 quy định một số mức chi và tỷ lệ chi phí quản lý chung trong hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Tuy nhiên, thực hiện Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và Nghị quyết số 1664/NQ-UBTVQH15 ngày 12/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Gia Lai năm 2025; kể từ ngày 01/7/2025, tỉnh Bình Định và tỉnh Gia Lai được sắp xếp thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Gia Lai và hoạt động theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

Để bảo đảm tiến độ xử lý các văn bản chịu sự tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy theo quy định, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan xây dựng dự thảo Nghị quyết báo cáo UBND tỉnh, trình HĐND tỉnh thông qua là cần thiết, có cơ sở pháp lý.

2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a) Về phạm vi điều chỉnh

Thống nhất về phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị quyết.

b) Về đối tượng áp dụng

Tại Điều 2 dự thảo Quy định, để đảm bảo tính ngắn gọn, phù hợp, đề nghị cân nhắc chỉnh sửa như sau:

“Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan nhà nước, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường.”

II. Sự phù hợp của nội dung dự thảo với chủ trương, đường lối của Đảng

Dự thảo Nghị quyết phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng trong việc quy định về phân định nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường; quy định tỷ lệ chi phí quản lý chung và mức chi nhiệm vụ, dự án về tài nguyên môi trường thuộc nhiệm vụ chi ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

III. Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

IV. Sự cần thiết, tính hợp lý của thủ tục hành chính

Dự thảo Nghị quyết không có nội dung quy định về thủ tục hành chính.

V. Nguồn tài chính, nguồn nhân lực, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Trên cơ sở nội dung tham gia góp ý của Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ và Mục V dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh, dự thảo Nghị quyết đảm bảo về nguồn tài chính, nguồn nhân lực, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp; việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

VI. Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày và trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản

1. Về ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày

Dự thảo Nghị quyết cơ bản đảm bảo về ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP. Tuy nhiên, để dự thảo được hoàn thiện và rõ ràng hơn, đề nghị Quý Sở rà soát, điều chỉnh nội dung sau:

a) Đối với dự thảo Nghị quyết

- Tại phần tên gọi, đề nghị bỏ từ “về” tại nội dung “*Quy định về phân định nhiệm vụ chi...*” cho ngắn gọn, tránh trùng lặp từ ngữ.

- Tại phần căn cứ ban hành văn bản, ở dòng “*Xét Tờ trình...*” và dòng “*Hội đồng nhân dân ban hành...*” chỉnh sửa tên gọi của Nghị quyết cho chính xác như sau: “*Nghị quyết ban hành Quy định phân định nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường; quy định tỷ lệ chi phí quản lý chung và mức chi nhiệm vụ, dự án về tài nguyên môi trường thuộc nhiệm vụ chi ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Gia Lai*”.

- Tại Điều 1, để đảm bảo tính chính xác, thống nhất, đề nghị chỉnh sửa như sau: “**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định phân định nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường; quy định tỷ lệ chi phí quản lý chung và mức chi nhiệm vụ, dự án về tài nguyên môi trường thuộc nhiệm vụ chi ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Gia Lai.”

- Tại Điều 2, trình bày tên Điều bằng kiểu chữ in đậm cho chính xác.

- Tại khoản 1 Điều 3, chỉnh sửa “*Nghị quyết này có hiệu lực từ kể từ ngày*” thành “*Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày*” cho chính xác.

- Tại khoản 2 Điều 3, qua rà soát Sở Tư pháp nhận thấy Nghị quyết số 86/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND tỉnh Gia Lai đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 68/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Gia Lai sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; do đó, đề nghị, rà soát bổ sung nội dung xử lý đối với khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 68/2023/NQ-HĐND để đảm bảo tính đầy đủ, thống nhất, chỉnh sửa như sau:

“**2.** Nghị quyết số 86/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp) về việc phân định các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh Gia Lai; khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 68/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp) sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định (trước sắp xếp) quy định một số mức chi và tỷ lệ chi phí quản lý chung trong hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Định hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.”

- Tại khoản 3 Điều 3 nêu “*Khi các văn bản quy định về chế độ, định mức chi viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng quy định tại văn bản quy phạm pháp luật mới.*”; tuy nhiên, để đảm bảo tính ngắn gọn, chính xác, cần nhắc chỉnh sửa như sau: “*2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thì áp dụng quy định tương ứng tại văn bản quy phạm pháp luật mới.*”.

- Tại phần nơi nhận, bổ sung cơ quan nhận văn bản là “Ủy ban nhân dân các xã, phường;”, vì đối tượng áp dụng của dự thảo bao gồm chủ thể này.

b) Đối với dự thảo Quy định

- Về bố cục dự thảo Quy định, hiện tại dự thảo Quy định chỉ có 6 Điều, do đó, đề nghị Quý Sở cân nhắc không bố cục theo Chương mà chỉnh sửa thành các điều, khoản, điểm sẽ phù hợp hơn.

- Để phù hợp theo quy định tại khoản 38 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP về kỹ thuật viện dẫn văn bản, đề nghị:

+ Tại khoản 3 Điều 1, chỉnh sửa “*Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường*” thành “*Thông tư số 136/2017/TT-BTC quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường*”.

+ Tại khoản 8 Điều 3, chỉnh sửa “*Khoản 2, Điều 4, Thông tư liên tịch số 160/2014/TTLT-BTC-BTNMT ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên - Môi trường về việc hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước thực hiện các nhiệm vụ, dự án theo Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*” thành “*Khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 160/2014/TTLT-BTC-BTNMT hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước thực hiện các nhiệm vụ, dự án theo Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*”.

- Tại khoản 6 Điều 3, đề nghị chỉnh sửa tên khoản này từ “*Khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu*” thành “*Khí tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu*” để đảm bảo phù hợp theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 4 Thông tư số 136/2017/TT-BTC.

- Tại điểm e khoản 9 Điều 3 nêu: “*e) Vốn đối ứng các dự án của Trung ương có tính chất chi thường xuyên từ nguồn hoạt động kinh tế về tài nguyên môi*

trường (nếu có);”, tuy nhiên theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 4 Thông tư số 136/2017/TT-BTC thì:

“2. *Nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường của ngân sách địa phương*

- *Các nhiệm vụ chi khác*

...

- *Vốn đối ứng các dự án hợp tác quốc tế có tính chất chi thường xuyên từ nguồn hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường (nếu có);”*

Theo đó, đề nghị Quý Sở cân nhắc chỉnh sửa nội dung tại điểm này cho phù hợp theo quy định hoặc thuyết minh, giải trình để đảm bảo tính rõ ràng.

- Tại Điều 5, để đảm bảo tính rõ ràng, đề nghị chỉnh sửa “Mức chi cụ thể tại Phụ lục I kèm theo” thành “*Mức chi cụ thể theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này*”.

- Tại Điều 6 nêu: “*Mức chi cụ thể tại Phụ lục II kèm theo.*”

Tuy nhiên, nội dung của Điều này quy định về tỷ lệ chi phí quản lý chung, không quy định mức chi cụ thể; do đó đề nghị chỉnh sửa như sau:

Tỷ lệ chi phí quản lý chung trong dự toán chi phí thực hiện nhiệm vụ, dự án chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này.”

c) Đối với các Phụ lục

- Đề nghị đối chiếu Phụ lục với Mẫu số 26 Phụ lục III kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP để trình bày đảm bảo phù hợp theo mẫu, cụ thể chỉnh sửa như sau:

“Phụ lục

(Ban hành kèm theo.....)

Phụ lục I

(TÊN CỦA PHỤ LỤC)

...

Phụ lục II

(TÊN CỦA PHỤ LỤC)

- Tại Phụ lục I, để thống nhất với nội dung tại Điều 5 dự thảo Quy định, cân nhắc chỉnh sửa tên của Phụ lục này như sau: “Phụ lục I. MỨC CHI NHIỆM VỤ, DỰ ÁN VỀ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG”.

- Tại Phụ lục II, để đảm bảo tính ngắn gọn, tránh trùng lặp, cân nhắc chỉnh sửa tên của Phụ lục này như sau: “Phụ lục II. TỶ LỆ CHI PHÍ QUẢN LÝ CHUNG TRONG DỰ TOÁN CHI PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, DỰ ÁN CHI HOẠT ĐỘNG KINH TẾ ĐỐI VỚI CHI VỀ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG”.

- Rà soát, chỉnh sửa một số lỗi soạn thảo như: “nghị quyết này”, chỉnh sửa việc sử dụng dấu chấm (.), dấu chấm phẩy (;) tại khoản 3, khoản 4 Điều 4 cho chính xác, thống nhất.

2. Về trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản

Dự thảo Nghị quyết cơ bản đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 44 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 187/2025/NĐ-CP). Tuy nhiên, qua theo dõi, Sở Tư pháp nhận thấy Quý Sở chưa thực hiện việc đăng ký xây dựng xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh theo quy định tại Điều 43 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 187/2025/NĐ-CP) và Điều 6 Thông tư số 26/2025/TT-BTP hướng dẫn xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

3. Đối với dự thảo Tờ trình

Để đảm bảo tính đầy đủ, phù hợp theo Mẫu số 02 Phụ lục IV Nghị định số 187/2025/NĐ-CP, đề nghị bổ sung nội dung về thời gian dự kiến trình HĐND tỉnh thông qua/ ban hành tại Mục V dự thảo Tờ trình.

VII. Điều kiện trình dự thảo Nghị quyết cho UBND tỉnh

Đề nghị Quý Sở hoàn thiện nội dung thẩm định tại Báo cáo này để dự thảo Nghị quyết đủ điều kiện báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua.

Kính gửi Sở Tài chính hoàn thiện dự thảo, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền./

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, P.NV1.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Như Ý

BẢNG TỔNG HỢP Ý KIẾN, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý ĐỐI VỚI DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT CỦA HĐND TỈNH VỀ QUY ĐỊNH MỨC CHI CHO CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI

(Kèm theo Công văn số /STC-TCHCSN ngày / /2026 của Sở Tài chính)

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Tài chính đã tổ chức lấy ý kiến đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Gia Lai về Quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Gia Lai

1. Tổng số cơ quan, đơn vị, địa phương đã được Sở Tài chính gửi xin ý kiến: 161 đơn vị và tổng số ý kiến nhận được là 69 đơn vị.

- | | |
|-------------------------------|--------------------------------|
| - Thống nhất dự thảo: | 66 đơn vị |
| - Có tham gia góp ý dự thảo: | 03 đơn vị |
| - Không gửi Văn bản tham gia: | 92 cơ quan, đơn vị, địa phương |

2. Kết quả cụ thể như sau:

STT	CHỦ THỂ GÓP Ý		DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Đơn vị/địa phương	Số Văn bản			
I	Tổng nhất dự thảo				
1	Sở Công Thương	1301/SCT-VP - 23/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Tổng nhất	
2	Sở Xây dựng	2040/SXD-HTKT - 23/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Tổng nhất	
3	Thanh tra tỉnh	482/TTT-VP - 23/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Tổng nhất	
4	Sở Y tế	2013/SYT-KHTC - 23/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Tổng nhất	
5	Sở Nội vụ	1738/SNV-VP - 23/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Tổng nhất	
6	Sở Khoa học và Công nghệ	1011/SKHCBN-CĐS&BCVT - 26/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Tổng nhất	
7	Ban Quản lý Khu kinh tế	927/BQL-TNMT - 23/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Tổng nhất	
8	Sở Dân tộc và Tôn giáo	500/SDTTG-DT - 23/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Tổng nhất	
9	Vườn Quốc gia Kon Ka Kinh	55/CV-VQG - 26/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Tổng nhất	
10	Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT	319/BQL-TCKT - 20/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Tổng nhất	
11	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	1164/SVHTTDL-VP - 26/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Tổng nhất	
12	UBND xã Chư Prông	284/UBND-PKT - 26/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Tổng nhất	

STT	CHỦ THỂ GÓP Ý		DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Đơn vị/địa phương	Số Văn bản			
13	UBND xã Bình An	405/UBND - 26/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thông nhất	
14	UBND xã Chư Sê	656/UBND-KT - 25/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thông nhất	
15	UBND xã Vĩnh Quang	371/UBND-KT - 25/03/2026]	Dự thảo Nghị quyết	Thông nhất	
16	UBND xã An Phú	386/UBND-PKTHTD - 25/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thông nhất	
17	UBND xã An Lương	263/UBND-KT - 25/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thông nhất	
18	UBND phường Hội Phú	558/UBND-PKTHTD - 25/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thông nhất	
19	UBND xã Ya Hội	465/UBND-PKT - 25/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thông nhất	
20	UBND xã Ia Pia	403/UBND-PKT - 25/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thông nhất	
21	UBND xã Chư Pưh	532/UBND-KT - 24/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thông nhất	
22	UBND xã Hội Sơn	409/CV-UBND - 24/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thông nhất	
23	UBND xã Ia Nan	322/UBND-KT - 24/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thông nhất	
24	UBND phường Thống Nhất	645/UBND-PKTHTD - 24/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thông nhất	
25	UBND xã Chư Krey	259/BC-UBND - 24/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thông nhất	
26	UBND xã Canh Liên	273/CV-UBND - 24/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thông nhất	
27	UBND phường Pleiku	782/UBND-PKTHTD - 24/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thông nhất	
28	UBND phường An Nhơn	376/UBND - 24/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thông nhất	
29	Hội LHPN tỉnh	143/BTV-BCTPN - 24/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thông nhất	
30	UBND xã Ia Ko	384/UBND-KT - 24/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thông nhất	
31	UBND xã Phù Mỹ Bắc	400/CV-UBND - 24/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thông nhất	
32	UBND phường Quy Nhơn Bắc	545/CV-UBND - 24/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thông nhất	

STT	CHỦ THỂ GÓP Ý		DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Đơn vị/địa phương	Số Văn bản			
33	UBND xã Phù Cát	402/CV-UBND - 23/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thông nhất	
34	UBND xã Bình Phú	263/UBND-TC - 23/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thông nhất	
35	UBND xã Xuân An	[630/UBND-KT - 23/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thông nhất	
36	UBND phường Tam Quan	386/CV-UBND - 23/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thông nhất	
37	UBND xã Ya Ma	212/UBND-PKT - 23/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thông nhất	
38	UBND phường An Nhơn Đông	361/CV-UBND - 23/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thông nhất	
39	UBND xã An Vinh	255/UBND - 23/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thông nhất	
40	UBND xã Tuy Phước Đông	362/UBND-KT - 23/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thông nhất	
41	UBND xã Ia Krai	362/UBND-PKT - 23/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thông nhất	
42	UBND xã An Hòa	466/UBND - 23/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thông nhất	
43	UBND xã Ia Rсай	649/UBND-PKT - 26/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thông nhất	
44	UBND xã Ayun	272/UBND-PKT - 26/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thông nhất	
45	UBND xã Lơ Pang	816/UBND-PKT - 26/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thông nhất	
46	UBND xã SRó	637/UBND-PKT - 25/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thông nhất	
47	UBND xã Đak Pơ	696/UBND-PKT - 26/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thông nhất	
48	UBND xã Đức Cơ	458a/UBND-KT - 24/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thông nhất	
49	UBND xã Ia Púch	300/UBND-KT - 26/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thông nhất	
50	UBND xã Biển Hồ	888/UBND-VPHDNDUBND - 26/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thông nhất	
51	UBND xã Ia Pnôn	234/UBND-KT - 26/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thông nhất	
52	UBND xã Ia Krêl	566/UBND-KT - 26/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thông nhất	

STT	CHỦ THỂ GÓP Ý		DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Đơn vị/địa phương	Số Văn bản			
53	UBND xã Bình Dương	280/UBND-KT - 25/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thông nhất	
54	Tỉnh Đoàn	343/CV/TĐTN - 27/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thông nhất	
55	UBND xã Cửu An	269/UBND-PKT - 27/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thông nhất	
56	UBND xã Phù Mỹ Đông	387/UBND-KT - 27/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thông nhất	
57	UBND xã Ia Rbol	1351/UBND-TH - 27/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thông nhất	
58	UBND xã Chư A Thai	320/UBND-TH - 27/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thông nhất	
59	UBND phường Quy Nhơn	1714/UBND-KTHTĐT - 27/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thông nhất	
60	UBND xã Ngô Mỹ	465/CV-UBND - 30/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thông nhất	
61	UBND xã Phú Thiện	481/UBND-TH - 30/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thông nhất	
62	UBND xã Phù Mỹ Nam	317/CV-UBND - 30/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thông nhất	
63	UBND xã Ia Hiao	586/UBND-TH - 28/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thông nhất	
64	UBND xã Kon Chiêng	331/UBND-PKT - 30/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thông nhất	
65	UBND xã An Lão	788/UBND - 31/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thông nhất	
66	UBND xã Chơ Long	543/UBND-KT - 31/03/2026	Dự thảo Nghị quyết	Thông nhất	
II	Có tham gia góp ý dự thảo				
			1. Đối với trích yếu nội dung Nghị quyết	Đề nghị điều chỉnh từ “Phân định nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường; quy định tỷ lệ chi phí quản lý chung và mức chi nhiệm vụ, dự án về tài nguyên môi trường thuộc nhiệm vụ chi ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Gia Lai” thành “Ban hành Quy định về phân định nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường; quy định tỷ lệ chi phí quản lý chung và mức chi nhiệm vụ, dự án về tài nguyên môi trường thuộc nhiệm vụ chi ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Gia Lai” cho phù hợp. Tương tự, đề nghị chỉnh sửa như trên tại Điều 1 của dự thảo.	Đã tiếp thu và chỉnh sửa

STT	CHỦ THỂ GÓP Ý		DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Đơn vị/dịa phương	Số Văn bản			
1	Sở Tư pháp	921/STP-NV1 - 23/03/2026	2. Căn cứ văn bản đề ban hành Nghị quyết	- Tại “Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;” và “Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;”, đề nghị điều chỉnh thành “Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;” để phù hợp với kỹ thuật viện dẫn văn bản theo định tại điểm a khoản 1 Điều 68 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP. - Đề nghị điều chỉnh “Căn cứ Thông tư số 136/2017/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường;” thành “Căn cứ Thông tư số 136/2017/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường;”.	Đã tiếp thu và chỉnh sửa
			3. Nội dung của dự thảo Nghị quyết	Để nội dung của dự thảo Nghị quyết được rõ ràng hơn, đề nghị Quý Sở tham khảo kỹ thuật trình bày như sau: “Điều 2. Tổ chức thực hiện 1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết. 2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này. Điều 3. Điều khoản thi hành 1. Nghị quyết này có hiệu lực từ kể từ ngày ... tháng ... năm 2026. 2. Nghị quyết số 86/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc phân định các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định quy định một số mức chi và tỷ lệ chi phí quản lý chung trong hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Định hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành. 3. Khi các văn bản quy định về chế độ, định mức chi viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng quy định tại văn bản quy phạm pháp luật mới. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa ..., Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2026.”.	Đã tiếp thu và chỉnh sửa

STT	CHỦ THỂ GÓP Ý		DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Đơn vị/dịa phương	Số Văn bản			
			4. Về nơi nhận của dự thảo	Đề nghị điều chỉnh chủ thể nhận văn bản từ “- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính);” thành “- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật);”.	Đã tiếp thu và chỉnh sửa
			5. Nội dung của dự thảo Quy định	- Đề nghị chỉnh sửa thông tin chỉ dẫn kèm theo văn bản từ “(Ban hành kèm theo Nghị quyết số .../2026/NQ-HĐND ngày ... tháng ... năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai)” thành “(Ban hành kèm theo Nghị quyết số .../2026/NQ-HĐND)” và bỏ gạch ngang dưới tên gọi của dự thảo để phù hợp với Mẫu số 18 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP. - Đề nghị rà soát, sử dụng các điểm trong dự thảo theo thứ tự bảng chữ cái Tiếng Việt nhằm đảm bảo phù hợp theo hướng dẫn tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP là “Các điểm trong mỗi khoản dùng chữ cái tiếng Việt theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt, sau chữ cái có dấu đóng ngoặc đơn, được trình bày bằng chữ in thường, cỡ chữ 13 - 14, kiểu chữ đứng” (điểm f không nằm trong bảng chữ cái Tiếng Việt). - Đề nghị chỉnh sửa “Phụ lục 1, Phụ lục 2” thành “Phụ lục I, Phụ lục II” cho chính xác theo hướng dẫn tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP là “Trường hợp văn bản có Phụ lục kèm theo thì trong văn bản phải chỉ dẫn về Phụ lục đó. Văn bản có từ hai Phụ lục trở lên thì các Phụ lục phải được đánh số thứ tự bằng chữ số La Mã”. Đồng thời, điều chỉnh các Phụ lục ban hành kèm theo dự thảo Quy định cho thống nhất.	
	Vườn Quốc gia Kon Ka Kinh	55/CV-VQG - 26/03/2026		đơn vị nhận thấy một số nội dung mức chi hiện quy định còn thấp so với điều kiện thực tế triển khai nhiệm vụ, nhất là đối với các hoạt động điều tra, khảo sát tại khu vực rừng đặc dụng, vùng sâu, vùng xa, địa hình phức tạp. Cụ thể: + Mức chi cho người dẫn đường (100.000 đồng/ngày) và người phiên dịch tiếng dân tộc (200.000 đồng/ngày) chưa phù hợp với tính chất công việc thực tế (di chuyển trong rừng, độc hại, địa hình phức tạp, khó khăn, yêu cầu đảm bảo sức khỏe, am hiểu địa bàn...) dẫn đến khó khăn trong việc huy động người tham gia.	Đối với mức chi người dẫn đường (100.000 đồng/ngày) và người phiên dịch tiếng dân tộc (200.000 đồng/ngày) quy định tại dự thảo Nghị quyết đã bằng với mức chi tại Thông tư số 136/2017/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Do vậy, không có cơ sở đề xuất tăng mức chi này

STT	CHỦ THỂ GÓP Ý		DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Đơn vị/địa phương	Số Văn bản			
2			Tại Phụ lục I - mức chi	+ Mức chi hỗ trợ đối tượng cung cấp thông tin (cá nhân 30.000 đồng, tổ chức 70.000 đồng) còn thấp, chưa tạo điều kiện thuận lợi để thu thập thông tin đầy đủ, chính xác. + Một số nội dung khác như chi cho đại biểu tham dự hội thảo, báo cáo tham luận, thành viên hội đồng... ở mức thấp, trong một số trường hợp chưa phù hợp với yêu cầu thực tế triển khai nhiệm vụ.	Theo Thông tư số 136/2017/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính mức chi hỗ trợ đối tượng cung cấp thông tin (cá nhân 50.000 đồng, tổ chức 100.000 đồng). Tuy nhiên, theo Công văn số 408/BTC-NSNN ngày 12/01/2026 của Bộ Tài chính về hỗ trợ kinh phí để thực hiện các chế độ, chính sách trên địa bàn tỉnh Gia Lai, đối với việc ban hành các chế độ, chính sách đặc thù của Tỉnh do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định, theo thẩm quyền quy định tại điểm h, điểm l, khoản 9 Điều 31 của Luật Ngân sách nhà nước, kinh phí do ngân sách địa phương đảm bảo, ngân sách trung ương không hỗ trợ. Đồng thời, năm 2026 là năm kéo dài thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025, tỉnh Gia Lai là địa phương nhận bổ sung cân đối từ ngân sách Trung ương và năm 2026 Trung ương không tăng kinh phí bổ sung cho ngân sách địa phương để thực hiện các nhiệm vụ được giao, trong khi các nhiệm vụ do ngân sách tỉnh tự đảm bảo ngày càng phát sinh nhiều. Do vậy, Sở Tài chính đề xuất mức chi tại dự thảo Nghị quyết bằng mức chi tại Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 19/7/2018 đã được HĐND tỉnh Bình Định (trước sắp xếp) thông qua.
	Sở Nông nghiệp và Môi trường	3027/SNNMT-KHTC - 27/03/2026	Tại điểm e khoản 1 Điều 3 của dự thảo Nghị quyết	Đề nghị sửa đổi, bổ sung từ “Điều tra thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất, xác định giá đất cụ thể; lập bản đồ giá đất;” thành “Điều tra thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung bảng giá đất, hệ số điều chỉnh giá đất, xác định giá đất cụ thể; lập bản đồ giá đất;” Lý do: Phù hợp với nhiệm vụ được giao theo quy định tại khoản 3 Điều 7 và khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội.	Đã tiếp thu và chỉnh sửa
			Tại điểm f khoản 1 Điều 4 của dự thảo Nghị quyết:	Đề nghị sửa đổi, bổ sung từ “Điều tra thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất” thành “Điều tra thu thập thông tin xây dựng hệ số điều chỉnh giá đất, xác định giá đất cụ thể” Lý do: Phù hợp với nhiệm vụ được giao theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 15 và điểm d khoản 1 Điều 17 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; điểm c khoản 9 Điều 4 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 5 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ và khoản 5 Điều 7 Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội.	Đã tiếp thu và chỉnh sửa
			Tại điểm d khoản 1 Điều 3 của dự thảo Nghị quyết	Đề nghị sửa đổi, bổ sung từ: “Lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất” thành “Lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh”	Đã tiếp thu và chỉnh sửa

STT	CHỦ THỂ GÓP Ý		DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Đơn vị/địa phương	Số Văn bản			
3			Tại điểm f khoản 1 Điều 3 và điểm d khoản 1 Điều 4 của dự thảo Nghị quyết	Đề nghị sửa đổi, bổ sung cụm từ: “cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất” thành “cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất”	Đã tiếp thu và chỉnh sửa
			6. Về mức chi và tỷ lệ chi quy định tại Điều 5, Điều 6 của dự thảo:	Sở Nông nghiệp và Môi trường đề xuất điều chỉnh như sau: - Tại Phụ lục I của dự thảo: Đề nghị tăng các mức chi nhiệm vụ, dự án về tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh tương đồng hoặc tiệm cận với mức chi theo quy định tại Thông tư số 136/2017/TT-BTC. Mức chi đề xuất cụ thể trong Phụ lục kèm theo - Tại Phụ lục 2 của dự thảo: Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét tăng tỷ lệ phần trăm (%) của nhóm III điểm 1 của phần ngoại nghiệp thuộc Nhiệm vụ, dự án (hoặc hạng mục công việc có định mức kinh tế kỹ thuật) từ 14% lên 18% và điểm 2 của phần nội nghiệp thuộc Nhiệm vụ, dự án (hoặc hạng mục công việc có định mức kinh tế kỹ thuật) từ 11% lên 13%. Lý do: Phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong giai đoạn hiện nay.	Theo Công văn số 408/BTC-NSNN ngày 12/01/2026 của Bộ Tài chính về hỗ trợ kinh phí để thực hiện các chế độ, chính sách trên địa bàn tỉnh Gia Lai, đối với việc ban hành các chế độ, chính sách đặc thù của Tỉnh do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định, theo thẩm quyền quy định tại điểm h, điểm l, khoản 9 Điều 31 của Luật Ngân sách nhà nước, kinh phí do ngân sách địa phương đảm bảo, ngân sách trung ương không hỗ trợ. Đồng thời, năm 2026 là năm kéo dài thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025, tỉnh Gia Lai là địa phương nhận bổ sung cân đối từ ngân sách Trung ương và năm 2026 Trung ương không tăng kinh phí bổ sung cho ngân sách địa phương để thực hiện các nhiệm vụ được giao, trong khi các nhiệm vụ do ngân sách tỉnh tự đảm bảo ngày càng phát sinh nhiều. Do vậy, Sở Tài chính đề xuất mức chi tại dự thảo Nghị quyết bằng mức chi tại Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 19/7/2018 đã được HĐND tỉnh Bình Định (trước sắp xếp) thông qua. Sau khi Trung ương ban hành Thông tư mới thay thế Thông tư số 136, Sở Tài chính sẽ tham mưu điều chỉnh nghị quyết theo quy định.
4	Sở Tư pháp	Báo cáo số 255/BC-STP ngày 05/4/2026		- Tại phần tên gọi, đề nghị bỏ từ “về” tại nội dung “Quy định về phân định nhiệm vụ chi...” cho ngắn gọn, tránh trùng lặp từ ngữ. - Tại phần căn cứ ban hành văn bản, ở dòng “Xét Tờ trình...;” và dòng “Hội đồng nhân dân ban hành...” chỉnh sửa tên gọi của Nghị quyết cho chính xác như sau: “Nghị quyết ban hành Quy định phân định nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường; quy định tỷ lệ chi phí quản lý chung và mức chi nhiệm vụ, dự án về tài nguyên môi trường thuộc nhiệm vụ chi ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Gia Lai”.	Đã tiếp thu và chỉnh sửa

STT	CHỦ THỂ GÓP Ý		DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Đơn vị/địa phương	Số Văn bản			
				- Tại Điều 1, để đảm bảo tính chính xác, thống nhất, đề nghị chỉnh sửa như sau: “Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định phân định nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường; quy định tỷ lệ chi phí quản lý chung và mức chi nhiệm vụ, dự án về tài nguyên môi trường thuộc nhiệm vụ chi ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Gia Lai.” - Tại Điều 2, trình bày tên Điều bằng kiểu chữ in đậm cho chính xác. - Tại khoản 1 Điều 3, chỉnh sửa “Nghị quyết này có hiệu lực từ kể từ ngày” thành “Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày” cho chính xác.	Đã tiếp thu và chỉnh sửa
			a) Đối với dự thảo Nghị quyết	Tại khoản 2 Điều 3 chỉnh sửa như sau: “2. Nghị quyết số 86/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp) về việc phân định các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh Gia Lai; khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 68/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp) sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định (trước sắp xếp) quy định một số mức chi và tỷ lệ chi phí quản lý chung trong hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Định hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.”	Đã tiếp thu và chỉnh sửa

STT	CHỦ THỂ GÓP Ý		DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Đơn vị/dịa phương	Số Văn bản			
				Tại khoản 3 Điều 3, để đảm bảo tính ngắn gọn, chính xác, cần nhắc chỉnh sửa như sau: “2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thì áp dụng quy định tương ứng tại văn bản quy phạm pháp luật mới.”.	Đã tiếp thu và chỉnh sửa
				- Tại phần nơi nhận, bổ sung cơ quan nhận văn bản là “Ủy ban nhân dân các xã, phường;”	Đã tiếp thu và chỉnh sửa
				- Về bố cục dự thảo Quy định, hiện tại dự thảo Quy định chỉ có 6 Điều, do đó, đề nghị Quý Sở cân nhắc không bố cục theo Chương mà chỉnh sửa thành các điều, khoản, điểm sẽ phù hợp hơn.	Đã tiếp thu và chỉnh sửa
				Tại Điều 2 dự thảo Quy định, để đảm bảo tính ngắn gọn, phù hợp, đề nghị cân nhắc chỉnh sửa như sau: “Điều 2. Đối tượng áp dụng Quy định này áp dụng đối với các cơ quan nhà nước, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường.”	Đã tiếp thu và chỉnh sửa
				+ Tại khoản 3 Điều 1, chỉnh sửa thành “Thông tư số 136/2017/TT-BTC quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường”. + Tại khoản 8 Điều 3, chỉnh sửa thành “Khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 160/2014/TTLT-BTC-BTNMT hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước thực hiện các nhiệm vụ, dự án theo Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”.	Đã tiếp thu và chỉnh sửa
			b) Đối với dự thảo Quy định	- Tại khoản 6 Điều 3, đề nghị chỉnh sửa tên khoản này từ “ <i>Khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu</i> ” thành “ <i>Khí tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu</i> ” để đảm bảo phù hợp theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 4 Thông tư số 136/2017/TT-BTC.	Đã tiếp thu và chỉnh sửa

STT	CHỦ THỂ GÓP Ý		DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Đơn vị/dịa phương	Số Văn bản			
				Tại điểm e khoản 9 Điều 3 nêu: “e) Vốn đối ứng các dự án của Trung ương có tính chất chi thường xuyên từ nguồn hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường (nếu có);”, tuy nhiên theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 4 Thông tư số 136/2017/TT-BTC thì: “- Vốn đối ứng các dự án hợp tác quốc tế có tính chất chi thường xuyên từ nguồn hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường (nếu có);” Theo đó, đề nghị Quý Sở cân nhắc chỉnh sửa nội dung tại điểm này cho phù hợp theo quy định hoặc thuyết minh, giải trình để đảm bảo tính rõ ràng.	Đã tiếp thu và chỉnh sửa
				- Tại Điều 5, để đảm bảo tính rõ ràng, đề nghị chỉnh sửa “Mức chi cụ thể tại Phụ lục I kèm theo” thành “<i>Mức chi cụ thể theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này</i>”.	Đã tiếp thu và chỉnh sửa
				- Tại Điều 5, để đảm bảo tính rõ ràng, đề nghị chỉnh sửa “Mức chi cụ thể tại Phụ lục I kèm theo” thành “Mức chi cụ thể theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này”.C107	Đã tiếp thu và chỉnh sửa
			c) Đối với các Phụ lục	- Tại Phụ lục I, để thống nhất với nội dung tại Điều 5 dự thảo Quy định, cân nhắc chỉnh sửa tên của Phụ lục này như sau: “Phụ lục I. MỨC CHI NHIỆM VỤ, DỰ ÁN VỀ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG”.	Đã tiếp thu và chỉnh sửa
				- Tại Phụ lục II, để đảm bảo tính ngắn gọn, tránh trùng lặp, cân nhắc chỉnh sửa tên của Phụ lục này như sau: “Phụ lục II. TỶ LỆ CHI PHÍ QUẢN LÝ CHUNG TRONG DỰ TOÁN CHI PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, DỰ ÁN CHI HOẠT ĐỘNG KINH TẾ ĐỐI VỚI CHI VỀ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG”.	Đã tiếp thu và chỉnh sửa
				- Rà soát, chỉnh sửa một số lỗi soạn thảo như: “<u>n</u> g quyết này”, chỉnh sửa việc sử dụng dấu chấm (.), dấu chấm phẩy (;) tại khoản 3, khoản 4 Điều 4 cho chính xác, thống nhất.	Đã tiếp thu và chỉnh sửa

STT	CHỦ THỂ GÓP Ý		DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Đơn vị/dịa phương	Số Văn bản			
				Qua theo dõi, Sở Tư pháp nhận thấy Quý Sở chưa thực hiện việc đăng ký xây dựng xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh theo quy định tại Điều 43 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 187/2025/NĐ-CP) và Điều 6 Thông tư số 26/2025/TT-BTP hướng dẫn xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.	Sở Tài chính đã có Công văn số 2459/STC-TCHCSN ngày 20/03/2026 trình UBND tỉnh về việc đăng ký xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh tại kỳ họp chuyên đề của HĐND nhiệm kỳ 2026-2031
			3. Đối với dự thảo Tờ trình	Để đảm bảo tính đầy đủ, phù hợp theo Mẫu số 02 Phụ lục IV Nghị định số 187/2025/NĐ-CP, đề nghị bổ sung nội dung về thời gian dự kiến trình HĐND tỉnh thông qua/ ban hành tại Mục V dự thảo Tờ trình.	Đã tiếp thu và chỉnh sửa